

Kiểm tra cuối học kì I, năm học 2025-2026

Thời gian làm bài: 35 phút

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét của giáo viên</u>
	
	

Câu 1(0,5 điểm). Số lớn nhất trong các số: 8, 7, 9,0 là:

A. 0

B. 9

C.7

Câu 2 (0,5 điểm). Kết quả phép tính $4 + 4 - 3 = ?$

A. 6

B. 5

C. 4

Câu 3 (0,5 điểm). Số liền sau số 9 là:

A. 9

B. 8

C. 10

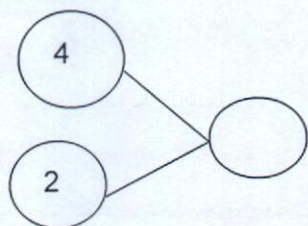
Câu 4 (0,5 điểm). Chọn dấu thích hợp ($>$, $<$ hoặc $=$) để điền vào chỗ chấm trong phép so sánh sau: $2 + 8 \dots\dots 8 + 2$

A. >

B. <

$$C_{\cdot} =$$

Câu 5 (0,5 điểm). Số còn thiếu trong sơ đồ sau là:



A.4

B. 6

C. 8

Câu 6 (0,5 điểm). Số cần điền là: $3 + 4 - \boxed{} = 6$

A. 1

B. 4

C. 5

Câu 7 (1 điểm). Nối phép tính với số thích hợp:

7

10

6

5

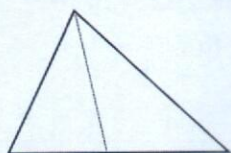
 $7 + 3$

10 - 3

9 - 4

 $2 + 4$

Câu 8 (0,5 điểm). Dưới đây có mấy hình tam giác ?



- A. 1 hình tam giác
- B. 2 hình tam giác
- C. 3 hình tam giác

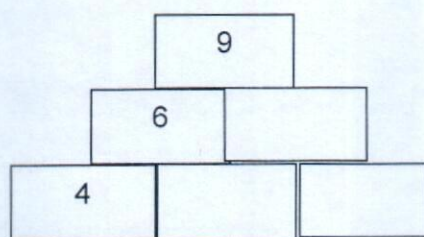
PHẦN II. TỰ LUẬN (5,5 điểm)

Câu 1(1,25 điểm). Tính:

a) $2 + 6 = \dots$

b) $10 - 5 + 2 = \dots$

Câu 2 (1,5 điểm). Số?

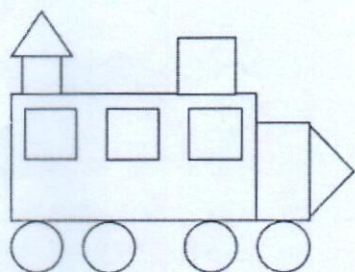


Câu 3(1 điểm). Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ chấm

a) $4 \dots 6$

b) $7 + 0 \dots 9 - 2$

Câu 4 (1điểm). Hình bên có:



Cóhình vuông.

Cóhình tròn.

Câu 5 (0,75 điểm). Viết phép tính thích hợp cho sơ đồ sau:

